

## BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**BỘ GIÁO DỤC VÀ  
ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2006/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2006

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình tiếng Jrai dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai  
cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi**

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình tiếng Jrai dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chương trình tiếng Jrai kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn giáo trình, tài liệu tiếng Jrai dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Vọng**



**BỘ GIÁO DỤC VÀ  
ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Tiếng Jrai dùng để đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai  
cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-BGDĐT  
ngày 28 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG JRAI DÙNG ĐỂ ĐÀO TẠO  
GIÁO VIÊN DẠY TIẾNG JRAI CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÔNG TÁC  
Ở VÙNG DÂN TỘC, MIỀN NÚI** (sau đây gọi tắt là Chương trình)

Mục tiêu của Chương trình là đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi (sau đây gọi tắt là học viên) đạt các yêu cầu sau:

1. Có kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có thể giao tiếp thành thạo bằng tiếng Jrai; có phương pháp dạy học tiếng dân tộc để dạy tiếng Jrai cho đối tượng là cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

2. Có kiến thức cơ bản về tiếng Jrai thuộc một số lĩnh vực: ngữ âm, ngữ nghĩa, ngữ pháp, ngữ dụng; có hiểu biết sơ giản về phương pháp dạy học tiếng dân tộc cho người lớn; có hiểu biết về đời sống, văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Jrai.

3. Có tinh thần bảo tồn và phát huy tiếng nói văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Jrai; có ý thức thực hiện chủ trương đẩy mạnh việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

**II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Phù hợp với đối tượng**

Đối tượng của Chương trình là những người có trình độ trung học cơ sở trở lên, biết tiếng Jrai, có nhu cầu hoặc được phân công đào tạo, bồi dưỡng về tiếng Jrai và nghiệp vụ sư phạm theo chương trình ngắn hạn để trở thành giáo viên dạy tiếng



Jrai cho cán bộ, công chức chưa biết tiếng Jrai công tác ở vùng dân tộc, miền núi. Xuất phát từ đặc điểm của người học, Chương trình này thiết kế nội dung bám sát các chủ đề của đời sống xã hội, để tạo ra sự hứng thú cao trong việc học tiếng Jrai.

Nội dung Chương trình được biên soạn tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao, giúp học viên nhanh chóng đạt được mục tiêu đã đề ra khi kết thúc khóa đào tạo.

Chương trình được xây dựng theo cấu trúc đồng dạng nhưng nâng cao hơn so với Chương trình dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi và bổ sung thêm khối kiến thức và kỹ năng sư phạm.

## **2. Giao tiếp**

Chương trình được xây dựng theo quan điểm giao tiếp. Quan điểm này chú ý hình thành, rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp (với trọng tâm là 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết); chú ý hơn nội dung dạy đọc và viết (vì đối tượng này đã biết nghe và nói tương đối thành thạo tiếng Jrai); hình thành và rèn luyện các kỹ năng với các mẫu câu cơ bản, các lớp từ ngữ thông dụng, phù hợp với các hoàn cảnh giao tiếp; ưu tiên thực hành, chú ý kết hợp chặt chẽ việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong công tác và trong đời sống hàng ngày.

## **3. Tích hợp**

Chương trình chú ý kết hợp chặt chẽ giữa việc trang bị kiến thức ngôn ngữ Jrai với việc tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Jrai cho học viên. Kết hợp chặt chẽ việc rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nghe, nói.

Tích hợp dạy ngôn ngữ Jrai với hệ thống hóa những hiểu biết về văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Jrai.

Để học viên nắm được kiến thức về phương pháp giảng dạy tiếng Jrai và nhanh chóng có khả năng dạy học, Chương trình gắn các bài học lý thuyết về phương pháp giảng dạy với việc biên soạn giáo án, gắn việc thực hành phương pháp giảng dạy với việc học tiếng theo các chủ đề nội dung của Chương trình dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

# **III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

## **1. Tổng thời lượng**

Chương trình được thực hiện với thời lượng 750 tiết, mỗi tiết 45 phút.

## 2. Cấu trúc Chương trình và phân bổ thời lượng

Chương trình gồm hai khối kiến thức và kỹ năng:

a) Kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, có thời lượng 65% tổng thời lượng, bao gồm:

- Kiến thức ngôn ngữ (chiếm 25% thời lượng)
- + Giới thiệu sơ lược về tiếng nói và chữ viết của đồng bào dân tộc Jrai.
- + Ngữ âm, Chữ viết, Từ ngữ, Ngữ pháp, Làm văn.
- Kỹ năng ngôn ngữ (chiếm 40% thời lượng)
- + Thực hành nghe nói (chiếm 15% thời lượng).
- + Thực hành đọc viết (chiếm 20% thời lượng).

b) Kiến thức và kỹ năng sự phạm, có thời lượng 35% tổng thời lượng, bao gồm:

- Kiến thức, kỹ năng sự phạm (chiếm 25% thời lượng).
- Thực hành soạn giáo án, kiến tập và thực tập sự phạm (chiếm 10% thời lượng).

## IV. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT

### 1. Về kỹ năng

a) Kỹ năng ngôn ngữ

- Đọc đúng, rõ ràng, trôi chảy các giấy tờ thông dụng, đơn, thư, các tin ngắn, thông báo, các bài văn kể chuyện, miêu tả, các văn bản truyện, thơ dân gian. Hiểu nội dung và mục đích thông báo của văn bản (độ dài khoảng 150 đến 180 từ), thuộc các lĩnh vực và chủ đề đã học. Thuộc một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, dân ca, một số bài văn vần phổ biến của đồng bào Jrai. Có khả năng dịch từ tiếng Jrai sang tiếng Việt và ngược lại.

- Viết đúng chính tả. Viết được thư từ giao dịch thông thường, văn bản tự sự, thuyết minh đơn giản bằng chữ Jrai (độ dài khoảng 120 từ đến 150 từ).

- Nghe và dịch được nội dung các cuộc trao đổi, bản tin thời sự, văn bản phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có thể ghi lại được những thông tin quan trọng để hiểu đúng hoặc để đáp lại.



- Nói rõ ràng, mạch lạc (phát âm và ngữ điệu), đúng ngữ pháp và mục đích giao tiếp để có thể trao đổi hoặc trình bày ý kiến cá nhân về một vấn đề gần gũi thuộc các lĩnh vực đời sống xã hội của đồng bào dân tộc Jrai (phổ biến kiến thức khoa học - kỹ thuật, hướng dẫn công việc, vận động nhân dân làm theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước), với độ dài 400 từ trở lên.

#### b) Kỹ năng sư phạm

- Có kỹ năng soạn giáo án dạy học phù hợp với đối tượng người học.
- Có kỹ năng dạy tiếng Jrai thể hiện được quan điểm tích hợp và tích cực hóa người học; biết tổ chức giờ học một cách hợp lý.
- Có kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm.

## 2. Về kiến thức

#### a) Kiến thức ngôn ngữ

- Ngữ âm - Chữ viết
  - + Nhớ được bộ chữ cái, hệ thống nguyên âm, hệ thống phụ âm (phụ âm đơn, phụ âm ghép đôi, phụ âm ghép ba, cách tạo phụ âm ghép đôi), dấu tuak đĩ (dấu đọc có chức năng làm ngắn âm và thể hiện ngữ điệu trong hoàn cảnh giao tiếp), quy tắc chính tả.
    - + Biết cách phát âm, cách ghép âm thành vần, thành tiếng (đặc biệt quan tâm đến các dấu hiệu khác tiếng Việt).
  - Từ ngữ - Ngữ pháp:
    - + Có vốn từ ngữ (bao gồm cả thành ngữ) phù hợp với các chủ đề học tập, khoảng 1500 từ ngữ đến 1800 từ ngữ thông dụng.
    - + Nắm được một số từ loại cơ bản như danh từ, động từ, tính từ, đại từ; các kiểu câu đơn, câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán; câu ghép.
    - + Nắm được phương thức cấu tạo từ, các hiện tượng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, nhiều nghĩa.
    - + Bước đầu xử lý được các hiện tượng khác biệt về phương ngữ (như phương

ngữ Hđrưng, Arap, Tơ-buăn, Chor, Mthur ứng với các vùng Ayun Pa, Fleiku, Kon Tum) trong giờ dạy. .

- Làm văn: hệ thống hóa những hiểu biết về nghi thức giao tiếp, nắm được cấu tạo đoạn văn, bài văn, biết cách xây dựng một số văn bản cụ thể như thư từ, tự sự, thuyết minh.

#### b) Kiến thức văn hóa dân tộc

Hiểu và sử dụng được các nghi thức giao tiếp, ứng xử đơn giản của đồng bào Jrai; nghi thức nói khi điều khiển các cuộc họp hoặc phát biểu trước nhiều người; một số điều cần tránh khi giao tiếp miệng về ngữ âm, từ vựng và cách biểu đạt ý nghĩ. Có những hiểu biết sâu hơn và hệ thống hơn về đời sống vật chất và tinh thần của dân tộc Jrai.

#### c) Kiến thức sư phạm

Có hiểu biết về phương pháp dạy học tiếng dân tộc, các xu hướng đổi mới phương pháp dạy học; phương tiện dạy học và cách sử dụng phương tiện dạy học có hiệu quả; vai trò của đánh giá và phương pháp đánh giá học viên.

## V. NỘI DUNG

### 1. Kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ

#### a) Kiến thức ngôn ngữ

- Về ngữ âm, chữ viết:

+ Sơ lược về tiếng nói và chữ viết Jrai;

+ Giới thiệu bộ chữ cái (25 chữ cái);

+ Hệ thống nguyên âm (10 nguyên âm);

+ Hệ thống phụ âm (19 phụ âm đơn, 28 phụ âm ghép đôi chữ cái, 9 phụ âm ghép 3 chữ cái);

+ Cách phát âm, kết cấu âm tiết, cách ghép âm thành vần, thành tiếng;

+ Quy tắc chính tả.

- Về từ ngữ, ngữ pháp:

09691022

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

- + Cấu tạo âm tiết ( phụ âm đôi + vần, A + phụ âm + vần, phụ âm + O + vần, phụ âm + O + phụ âm + vần, phụ âm + O + phụ âm + O + phụ âm + vần, từ láy);
- + Ngữ nghĩa của từ (từ đồng nghĩa, trái nghĩa);
- + Các hiện tượng phụ tố, hiện tượng mất hoặc thêm tiền tố;
- + Sơ lược về các phương ngữ Jrai;
- + Trật tự từ trong câu;
- + Từ loại (danh từ, động từ, tính từ, đại từ);
- + Các thành phần câu;
- + Các kiểu câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán;
- + Câu đơn, câu ghép.
- Về giao tiếp:
  - + Một số nghi thức trong giao tiếp, ứng xử thông thường;
  - + Một số điều cần tránh trong giao tiếp.
- Về làm văn:
  - + Trả lời (thuộc làm văn miệng) các câu hỏi trong nội dung bài đọc và đặt được câu hỏi khai thác nội dung bài đọc;
  - + Viết đoạn văn, bài văn tự sự, thuyết minh đơn giản;
  - + Viết những văn bản giới thiệu ngắn theo chủ đề bài đọc;
  - + Viết được thư, bản thông báo với nội dung gần gũi;
  - + Dịch bài khóa ra tiếng Việt.

#### b) Kỹ năng ngôn ngữ

- Đọc: đọc từ và câu, đọc các văn bản như bài hội thoại, các thành ngữ, tục ngữ, các bài ca dao của đồng bào dân tộc Jrai và trích đoạn các bài văn miêu tả, chuyện kể, các bài thơ, các bản tin tức, các văn bản hành chính công vụ, các văn bản phổ biến kiến thức khoa học, pháp luật dịch từ tiếng Việt.

- Viết: viết chính tả, viết các đoạn đối thoại, đoạn văn, bài văn, viết thông báo ngắn, viết thư, hoặc các văn bản hành chính công vụ và các văn bản khác.



- Nghe: nghe giảng viên đọc bài và hướng dẫn tìm hiểu bài, nghe các thông tin khác từ giảng viên và học viên trong lớp.

- Nói: trao đổi và trình bày ý kiến của mình trong các giờ học tiếng Jrai.

## **2. Kiến thức và kỹ năng sư phạm**

### **a) Kiến thức sư phạm**

- Những nội dung về Chương trình và đối tượng người học:

+ Giới thiệu Chương trình dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi; thực hành phân tích Chương trình;

+ Đặc điểm của học viên lớn tuổi công tác ở vùng dân tộc, miền núi; những thuận lợi và khó khăn của đối tượng này trong việc học tiếng dân tộc.

- Những hiểu biết chung về phương pháp dạy học và phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học viên.

- Nguyên tắc dạy tiếng.

- Phương pháp dạy các phân môn tiếng Jrai: âm, vần; từ và câu; luyện đọc; luyện nghe; luyện viết; luyện nói.

- Sử dụng học liệu và các phương tiện dạy học khác để dạy tiếng dân tộc thuộc các đề tài đã học: sử dụng băng cát xét, băng hình, tranh ảnh, môi trường xung quanh để dạy tiếng.

- Phương pháp sư phạm, các hình thức tổ chức dạy học và đánh giá:

+ Các hình thức tổ chức dạy học tiếng dân tộc cho người lớn: học cá nhân, học nhóm, học theo lớp, tự học có hướng dẫn;

+ Đánh giá, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và các hình thức đánh giá kết quả học tập.

b) Kỹ năng sư phạm: xác định mục đích, yêu cầu bài dạy; giới thiệu bài; luyện đọc từ khó; giải nghĩa từ khó; khai thác các chi tiết văn hóa trong bài khóa; soạn giáo án, dạy thử theo các hình thức tổ chức dạy học đã nêu; xử lý các tình huống sư phạm; thực hành kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; sử dụng các phương tiện dạy học tiếng.

c) Phần học tích hợp kiến thức và kỹ năng dạy theo hệ thống chủ đề

Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng sư phạm
<p><b>1. Gia đình, dòng tộc Jrai</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một gia đình Jrai.</li> <li>- Một nếp nhà truyền thống Jrai.</li> <li>- Vị thế người phụ nữ trong gia đình Jrai.</li> <li>- Quan hệ dòng tộc người Jrai.</li> <li>- Tình cảm và nghĩa vụ của những người trong dòng tộc Jrai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu.</li> <li>- Viết chữ.</li> <li>- Viết chính tả (chính tả nhìn - chép).</li> <li>- Kết cấu âm tiết: phụ âm đôi + vần.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ngữ về bản thân, gia đình, dòng tộc.</li> <li>- Đại từ xưng hô.</li> <li>- Phương thức phụ tố.</li> <li>- Câu đơn một thành phần.</li> <li>- Câu trần thuật phủ định có phụ từ phủ định bu (không), aka (chưa) có kết hợp thêm ôh ở cuối câu để nhấn mạnh tính phủ định.</li> <li>- Câu nghi vấn có các từ: moh (không), aka (chưa) hã (à), lah (à, hà), yoh (à, hà), ih (nhì).</li> <li>- Câu nghi vấn có các từ: hã (hay), bu dah (hoặc, hay).</li> <li>- Câu nghi vấn bộ phận có</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời câu hỏi về bản thân, gia đình, dòng tộc.</li> <li>- Tìm hiểu, trao đổi về bài đọc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đầu rèn các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó, đọc từ khó, phân tích phương thức phụ tố, phân tích các câu tường thuật phủ định, câu nghi vấn có các từ phủ định.</li> <li>- Bước đầu rèn kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Bước đầu rèn các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống</li> </ul>

Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng sư phạm
		các từ: hơi (ai), hỏi về tính chất sự vật: ti, popă... (nào), thời gian: hobin (bao giờ).		sư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề gia đình, dòng tộc Jrai.
<b>2. Làng Jrai và nghệ thuật truyền thống của dân tộc Jrai</b> - Vị trí, cảnh quan của một làng Jrai. - Tổ chức cộng đồng làng Jrai. - Vai trò của già làng Jrai. - Những sinh hoạt trong cộng đồng làng Jrai. - Lớp trẻ trong làng Jrai.	- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đĩ). - Viết chữ. - Viết chính tả (cách viết nổi các từ đa âm tiết; chính tả nghe - viết). - Cấu tạo âm tiết: A + Phụ âm + vần.	- Các từ ngữ về làng Jrai và nghệ thuật truyền thống Jrai. - Đại từ chỉ định. - Phương thức phụ tố (tiếp tục và nâng cao). - Phương thức láy từ. - Câu đơn một thành phần (tiếp tục củng cố và nâng cao). - Câu đơn hai thành phần. - Câu nghi vấn có các từ: moh (không), aka (chưa), các tiểu tự nghi vấn: hă (à), lah (à, hà), yoh (à, hà), ih (nhì).	- Đặt và trả lời các câu hỏi về làng bản. - Rèn kỹ năng giao tiếp trong cộng đồng làng. - Giới thiệu ngắn về một làng hoặc một loại hình nghệ thuật truyền thống. -Viết thông báo ngắn về một hoạt động cộng đồng. - Viết thư ngắn.	- Tiếp tục rèn luyện các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó, từ khó, phân tích phụ tố, phân tích từ láy, phân tích câu đơn. - Bước đầu rèn luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai. - Bước đầu rèn các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học



Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng tư phạm
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công, chiêng của dân tộc Jrai.</li> <li>- Một số vũ điệu dân gian của dân tộc Jrai.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu nghi vấn hỏi về địa điểm: popã (đâu) chơ boi, chơ tui... (ở đâu, chỗ nào), số lượng: hodum, hdôm, dum, dôm (bao nhiêu, mấy), nguyên nhân: hoget, hium (sao), hium pa, yua hoget (vì sao).</li> <li>- Câu cầu khiến, loại câu có ý ngăn cấm: đoi (thế), ho, ôh (nhé).</li> </ul>		sinh, xử lý các tình huống tư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề làng và nghệ thuật truyền thống của dân tộc Jrai.
<p><b>3. Thiên nhiên, môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các mùa ở Tây Nguyên.</li> <li>- Đất, rừng Tây Nguyên.</li> <li>- Sông, suối và hồ Tơ Nung.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đĩ).</li> <li>- Viết chính tả (cách viết nối các từ đa âm tiết; chính tả nghe - viết).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ngữ về thiên nhiên và môi trường.</li> <li>- Đại từ nghi vấn.</li> <li>- Phương thức láy (tiếp tục củng cố và nâng cao).</li> <li>- Câu đơn hai thành phần (tiếp tục củng cố và nâng cao).</li> <li>- Câu nghi vấn có các từ:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời các câu hỏi về thiên nhiên, môi trường.</li> <li>- Trao đổi về bảo vệ môi trường xoay quanh nội dung bài đọc.</li> <li>- Rèn cách biểu đạt tâm trạng trước vẻ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục rèn các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó (các từ miêu tả cảnh trí thiên nhiên), đọc từ khó, phân tích mẫu câu đơn hai thành phần, câu nghi vấn, câu cảm thán.</li> <li>- Bước đầu rèn kỹ năng</li> </ul>

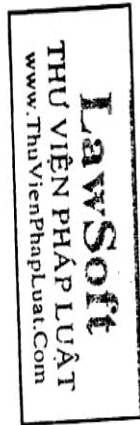
Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng sư phạm
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết cấu âm tiết: phụ âm + Ơ + vần (giữa Ơ và vần có gạch nối).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>hã (hay), bu dah (hoặc, hay).</li> <li>- Các câu nghi vấn đã học (tiếp tục củng cố các loại câu nghi vấn ở chủ đề trước).</li> <li>- Câu cảm thán có các từ: Ô, abô, boih (ôi), abaih (ôi chao), ah, đơi (ơi), aboih (chao ôi, ái chà).</li> <li>- Câu có từ chỉ mức độ Biă, mã.</li> <li>- Câu cầu khiến có ý nghĩa thúc dục be/pe (đi), mơn (vời), ho (nhé), rơkâu (xin), rơkâu iao (xin mời).</li> <li>- Câu ghép có quan hệ về thời gian: hlak (khi), hlao chi (trước khi).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>đẹp của thiên nhiên.</li> <li>- Viết thông báo ngắn về thời tiết.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Bước đầu rèn các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống sư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề thiên nhiên và môi trường.</li> </ul>

Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng tư phạm
<p><b>4. Đất nước và con người</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ quốc Việt Nam.</li> <li>- Người Jrai và các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.</li> <li>- Tình đoàn kết các dân tộc.</li> <li>- Đất nước Việt Nam (phong cảnh và con người).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đĩ).</li> <li>- Viết chính tả (cách viết nối các từ đa âm tiết; chính tả - nghe viết).</li> <li>- Kết cấu âm tiết: phụ âm + O + phụ âm + vần.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ về địa lý, lịch sử nước ta.</li> <li>- Các từ về các dân tộc anh em và tình đoàn kết giúp đỡ nhau giữa các dân tộc.</li> <li>- Các từ ngữ về các tộc người, ngôn ngữ, tín ngưỡng, điêu khắc, hội họa...).</li> <li>- Câu đơn hai thành phần (tiếp tục củng cố và nâng cao).</li> <li>- Câu nghi vấn (tiếp tục củng cố các loại câu nghi vấn ở chủ đề trước).</li> <li>- Câu cảm thán (tiếp tục củng cố các loại câu cảm thán ở chủ đề trước).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời các câu hỏi về đất nước, con người.</li> <li>- Rèn cách biểu đạt tâm trạng ngạc nhiên, cảm phục.</li> <li>- Viết đoạn văn ngắn về tình cảm các dân tộc ở Tây Nguyên.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục rèn các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó (các từ về phong tục), đọc từ khó, phân tích mẫu câu nghi vấn, câu cảm thán.</li> <li>- Bước đầu rèn kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Bước đầu rèn các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống tư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề đất nước, con người.</li> </ul>





Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng tư pháp
<p><b>6. Giáo dục</b></p> <p>- Những người thầy tiêu biểu (Người thầy giáo đầu tiên Nay Đe...).</p> <p>- Mạng lưới trường lớp ở vùng dân tộc Jrai.</p> <p>- Học chữ Jrai.</p> <p>- Truyền thống hiếu học của người Jrai...</p>	<p>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak dĩ).</p> <p>- Viết chính tả (cách viết nối các từ đa âm tiết; chính tả nghe - viết).</p> <p>- Đọc các chữ số.</p>	<p>- Các danh từ, động từ, tính từ về giáo dục.</p> <p>- Số từ.</p> <p>- Tiếp tục củng cố các mẫu câu đã học.</p> <p>- Câu ghép liệt kê có cặp từ át... mon.</p>	<p>- Đặt và trả lời các câu hỏi về giáo dục và dân trí.</p> <p>- Rèn cách biểu đạt sự tôn trọng, biết ơn.</p> <p>- Viết bản giới thiệu ngắn về tình hình phát triển giáo dục nơi cư trú</p> <p>- Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Jrai một văn bản về giáo dục.</p>	<p>- Tiếp tục rèn các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó, đọc từ khó, phân tích mẫu câu có trong bài.</p> <p>- Luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</p> <p>- Luyện các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống tư pháp và đánh giá kết quả học tập về chủ đề giáo dục.</p>



Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng sư phạm
<p><b>7. Lao động, sản xuất</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thống lao động, sản xuất của người Jrai.</li> <li>- Áp dụng khoa học, kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi.</li> <li>- Tấm gương làm giàu tiêu biểu của địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đĩ).</li> <li>- Viết chính tả (cách viết nối các từ đa âm tiết; chính tả nghe - viết).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ, ngữ về lao động, sản xuất.</li> <li>- Từ đồng nghĩa.</li> <li>- Tiếp tục củng cố các mẫu câu đã học.</li> <li>- Câu ghép có quan hệ hô ứng tăng tiến: jai... jai, rah... rah,...</li> <li>- Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao có liên quan đến chủ điểm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời các câu hỏi về lao động, sản xuất.</li> <li>- Viết bài giới thiệu ngắn về tình hình phát triển trồng trọt hoặc chăn nuôi ở địa phương.</li> <li>- Dịch văn bản giới thiệu nghề truyền thống của dân tộc Jrai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục luyện các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó, đọc từ khó, phân tích mẫu câu có trong bài.</li> <li>- Luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Luyện các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống sư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề ngành nghề xã hội.</li> </ul>



<b>Chủ đề/nội dung gợi ý</b>	<b>Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)</b>	<b>Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)</b>	<b>Làm văn (kiến thức - kỹ năng)</b>	<b>Kỹ năng sư phạm</b>
<p><b>8. Một số vấn đề về pháp luật và phong tục, tập quán</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền công dân.</li> <li>- Luật bầu cử, ứng cử.</li> <li>- Vấn đề thừa kế.</li> <li>- Luật Giáo dục.</li> <li>- An toàn giao thông.</li> <li>- Luật bảo tồn di sản văn hóa.</li> <li>- Pháp lệnh bảo vệ rừng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đi).</li> <li>- Viết chính tả (cách viết nối các từ đa âm tiết).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ngữ về pháp luật và phong tục, tập quán của người Jrai.</li> <li>- Từ nhiều nghĩa.</li> <li>- Từ trái nghĩa.</li> <li>- Tiếp tục củng cố các mẫu câu đã học.</li> <li>- Câu ghép có quan hệ thuận nghịch: hlao... samơ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời các câu hỏi phong tục tập quán.</li> <li>- Viết một bài giới thiệu ngắn về tình hình thực hiện các văn bản luật.</li> <li>- Viết thông báo về việc bầu cử, ứng cử, bảo tồn di sản văn hóa.</li> <li>- Dịch bài khóa ra tiếng Việt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục luyện các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó trong các văn bản luật, đọc từ khó, phân tích các câu có trong bài</li> <li>- Luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Luyện các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống sư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề luật pháp, phong tục, tập quán.</li> </ul>

<p><b>Chủ đề/nội dung gợi ý</b></p>	<p><b>Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)</b></p>	<p><b>Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)</b></p>	<p><b>Làm văn (kiến thức - kỹ năng)</b></p>	<p><b>Kỹ năng sư phạm</b></p>
<p><b>9. Đảng, Bác Hồ, chính quyền, đoàn thể.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người Tây Nguyên với Đảng và Bác Hồ.</li> <li>- Kể chuyện Bác Hồ</li> <li>- Hoạt động của Ủy ban nhân dân xã.</li> <li>- Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đi).</li> <li>- Viết chính tả (cách viết nối các từ đa âm tiết; chính tả nghe - viết).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ngữ về hoạt động chính trị - xã hội.</li> <li>- Từ đồng nghĩa, từ nhiều nghĩa.</li> <li>- Tiếp tục củng cố các mẫu câu đã học.</li> <li>- Câu ghép có quan hệ điều kiện, kết quả: todah... le (nếu... thì).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời các câu hỏi về hoạt động của Ủy ban nhân dân xã.</li> <li>- Viết bài giới thiệu ngắn về một ngày làm việc của Ủy ban nhân dân xã, một buổi sinh hoạt đoàn thanh niên, Hội Nông dân.</li> <li>- Viết một thông báo ngắn về hoạt động của Ủy ban nhân dân xã hoặc của một tổ chức chính trị xã hội ở địa phương.</li> <li>- Viết thư thăm hỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục luyện các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó, đọc từ khó (các từ vay mượn, hoặc dịch ra từ tiếng Việt), phân tích mẫu câu có trong bài.</li> <li>- Luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Luyện các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống sư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề Đảng, Bác Hồ, chính quyền, đoàn thể.</li> </ul>

Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng tư phạm
<p><b>10. Giao thông, bưu chính viễn thông</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường làng.</li> <li>- Đường liên làng.</li> <li>- Đường quốc lộ.</li> <li>- Vài nét về bưu chính viễn thông</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đĩ).</li> <li>- Viết chính tả (nghe - viết).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ngữ về giao thông, bưu chính, viễn thông.</li> <li>- Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.</li> <li>- Tiếp tục củng cố các mẫu câu đã học.</li> <li>- Câu ghép có quan hệ nhượng bộ tăng tiến: mah (dù), thào hnun (dù vậy), mah... samơ (dù... nhưng).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời các câu hỏi về giao thông và bưu chính, viễn thông.</li> <li>- Trao đổi về việc bảo đảm an toàn giao thông.</li> <li>- Viết bài giới thiệu ngắn về tình hình giao thông ở địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục luyện các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó (về chuyên ngành giao thông) kỹ năng đọc từ khó, kỹ năng phân tích mẫu câu.</li> <li>- Luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Luyện các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống tư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề giao thông, đi lại.</li> </ul>



<b>Chủ đề/nội dung gợi ý</b>	<b>Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)</b>	<b>Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)</b>	<b>Làm văn (kiến thức - kỹ năng)</b>	<b>Kỹ năng sư phạm</b>
<p><b>11. An ninh và bảo vệ Tổ quốc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên giới quốc gia.</li> <li>- Các tấm gương tận tụy với công tác giữ gìn an ninh, trật tự.</li> <li>- Chống mê tín dị đoan.</li> <li>- Không nghe lời kẻ xấu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đĩ).</li> <li>- Viết chính tả (cách viết nối các từ đa âm tiết; chính tả nhớ - viết).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ngữ về an ninh và bảo vệ Tổ quốc.</li> <li>- Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.</li> <li>- Tiếp tục củng cố các mẫu câu đã học.</li> <li>- Câu ghép có quan hệ nhân quả: yoa... anun (vì thế... nên).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời câu hỏi về an ninh trật tự trong làng.</li> <li>- Trao đổi về tình hình giữ gìn an ninh trật tự trong làng.</li> <li>- Viết bài giới thiệu về công tác giữ gìn an ninh, trật tự và phòng chống mê tín dị đoan ở địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục luyện các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó (thuộc lĩnh vực an ninh, luật tục xưa), đọc từ khó, phân tích mẫu câu.</li> <li>- Luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Luyện các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống sư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</li> </ul>

Chủ đề/nội dung gợi ý	Ngữ âm - chữ viết (kiến thức - kỹ năng)	Từ ngữ - ngữ pháp (kiến thức - kỹ năng)	Làm văn (kiến thức - kỹ năng)	Kỹ năng sư phạm
<p><b>12. Thương mại và dịch vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của Ngân hàng đầu tư và phát triển nông thôn Việt Nam.</li> <li>- Tình hình giá cả.</li> <li>- Sinh hoạt buôn bán, trao đổi.</li> <li>- Thông tin về giá cả, các loại tiền (mệnh giá) đang dùng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ và dấu (các dấu đặc thù, dấu gạch ngang trên các con chữ, dấu tuak đi).</li> <li>- Viết chữ.</li> <li>- Viết chính tả nghe - viết.</li> <li>- Số, các số đếm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các từ ngữ về thương mại và dịch vụ.</li> <li>- Tiếp tục củng cố các mẫu câu đã học.</li> <li>- Câu ghép có quan hệ sự kiện, mục đích: pioh (đề), pioh... hnun (đề... nên).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt và trả lời câu hỏi về hoạt động của ngân hàng, về tình hình giá cả.</li> <li>- Trao đổi về tình hình mua bán, giá cả và ngân hàng xoay quanh nội dung bài đọc.</li> <li>- Viết bài giới thiệu ngắn về hoạt động ngân hàng hay tín dụng, buổi họp chợ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp tục luyện các kỹ năng: giới thiệu bài, giải nghĩa từ khó, đọc từ khó, phân tích mẫu câu.</li> <li>- Luyện kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa, xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.</li> <li>- Luyện các kỹ năng: xác định mục đích yêu cầu bài đọc, soạn bài, tổ chức các hoạt động học tập cho học sinh, xử lý các tình huống sư phạm và đánh giá kết quả học tập về chủ đề giá cả và thương mại.</li> </ul>

## **VI. GIẢI THÍCH, HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Tính pháp lý của bộ chữ Jrai và vấn đề phương ngữ**

#### **a) Tính pháp lý của bộ chữ Jrai**

Bộ chữ được sử dụng để dạy tiếng Jrai là bộ chữ được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai - Kon Tum công bố trong Quyết định Công bố bộ chữ cái biên soạn chữ các dân tộc số 03/QĐ-UB ngày 28/10/1981, gồm: 25 chữ cái, 10 nguyên âm, 19 phụ âm đơn, 28 phụ âm ghép đôi chữ cái, 9 phụ âm ghép 3 chữ cái và dấu tuak đã có chức năng làm ngắn âm (biến âm) và thể hiện ngữ điệu trong hoàn cảnh giao tiếp.

#### **b) Vấn đề phương ngữ**

Tiếng Jrai có nhiều phương ngữ. Phương ngữ Chor và Mthur trong vùng Ayun Pa (thường gọi là phương ngữ Ayun Pa) được sử dụng phổ biến hơn cả. Trên thực tế toàn vùng Jrai, ở đâu, người Jrai cũng sử dụng được phương ngữ Ayun Pa. Sự khác biệt giữa các phương ngữ này chỉ xảy ra trong phạm vi từ vựng ngữ nghĩa. Trong Chương trình này, phương ngữ Ayun Pa được chọn làm phương ngữ cơ sở. Các phương ngữ khác được xử lý trong tài liệu cho phù hợp với học viên công tác ở từng vùng phương ngữ.

Trong quá trình đào tạo, cần có tài liệu giới thiệu cho học viên tương đối kỹ về các phương ngữ, có mục từ đối chiếu các phương ngữ, hoặc những bài tập lập bảng đối chiếu phương ngữ ở cuối mỗi bài học.

### **2. Cấu trúc của Chương trình**

#### **a) Đặc điểm cấu trúc**

- Chương trình này được thiết kế đồng dạng nhưng nâng cao hơn Chương trình dạy tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi (về nội dung dạy tiếng Jrai và văn hóa Jrai). Chương trình có nội dung kiến thức và kỹ năng sư phạm. Sự nâng cao và bổ sung được thể hiện qua việc:

- + Hoàn thiện các kỹ năng nghe, nói;
- + Rèn luyện kỹ năng đọc và viết ở mức độ cao;
- + Cung cấp kiến thức về tiếng Jrai;
- + Cung cấp kiến thức về phương pháp giảng dạy và rèn luyện các kỹ năng thực hành sư phạm.



## b) Cấu trúc nội dung bài học

- Mỗi bài học tích hợp gồm các nội dung học tập và rèn luyện cụ thể: Bài đọc (hoặc hội thoại); Từ ngữ - ngữ pháp; Luyện nghe, Luyện nói, Luyện đọc, Luyện viết, Kỹ năng sư phạm. Mỗi nội dung bài học góp phần cung cấp, hệ thống hóa và mở rộng vốn từ; trang bị cho học viên những hiểu biết cơ bản về từ ngữ, ngữ pháp; những hiểu biết về văn hóa, phong tục, tập quán của đồng bào Jrai; đồng thời giúp học viên có cơ sở rèn luyện các kỹ năng sư phạm.

- Mỗi phần của bài học có nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Bài đọc (hoặc hội thoại) được biên soạn theo nội dung các chủ đề nhằm rèn cho giáo viên các kỹ năng đọc, nghe, nói đồng thời với việc cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt và trang bị cho học viên những hiểu biết cần thiết về văn hóa, phong tục, tập quán, đời sống sinh hoạt của đồng bào Jrai. Sau nội dung bài đọc là hệ thống câu hỏi và bài tập hướng dẫn học viên đọc hiểu, nghe hiểu, trình bày miệng về nội dung bài đọc (hoặc hội thoại);

+ Ngữ âm - Chữ viết: giúp học viên có kỹ năng viết chữ đúng mẫu, đều nét, viết đúng chính tả đoạn văn, bài văn (với ba hình thức nhìn - viết, nghe - viết và nhớ - viết). Qua các bài tập thực hành, học viên được trang bị những kiến thức sơ giản về ngữ âm - chữ viết tiếng Jrai;

+ Từ ngữ - Ngữ pháp: trang bị những kiến thức cơ bản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Jrai, mở rộng vốn từ theo nội dung chủ đề, rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu;

+ Làm văn: trang bị và hệ thống hóa những hiểu biết và cách thức viết một số đoạn văn hoặc văn bản ngắn thông dụng (thư từ, văn tự sự, thuyết minh...) bằng tiếng Jrai. Độ dài, mức độ phức tạp và hình thức thể hiện của các văn bản tùy theo yêu cầu ở từng giai đoạn học tập, có thể là ở dạng trả lời câu hỏi hoặc ở dạng tạo lập các văn bản ngắn, tương đối hoàn chỉnh. Các bài học còn giúp học viên hệ thống hóa những hiểu biết về nghi thức lời nói của đồng bào Jrai;

+ Kỹ năng sư phạm: trang bị và rèn các kỹ năng xác định mục đích, yêu cầu bài học; các kỹ năng luyện đọc từ khó, giải nghĩa từ khó, các kỹ năng tổ chức các hoạt động trên lớp, các kỹ năng khai thác các chi tiết văn hóa trong bài đọc, kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học, kỹ năng xử lý các hiện tượng phương ngữ trong tiếng Jrai.

c) Cấu trúc liên kết các kiến thức và kỹ năng:

- Phần Kiến thức sư phạm có bài học riêng cung cấp cho học viên các kiến thức về yêu cầu, nội dung, phương pháp giảng dạy tiếng Jrai nhằm giúp học viên có cơ sở rèn luyện các kỹ năng sư phạm trong bài học tích hợp ở phần sau;

- Các nội dung như: ngữ âm chữ viết, từ ngữ - ngữ pháp, làm văn, kỹ năng sư phạm và văn hóa dân tộc được học trong bài học tích hợp.

Chương trình thiết kế theo nguyên tắc đồng tâm. Các kiến thức và kỹ năng cần rèn luyện có thể được bố trí lặp đi lặp lại một vài vòng, trong đó kiến thức và kỹ năng cần rèn luyện ở vòng sau cần rộng hơn và cao hơn ở vòng trước. Ngay trong mỗi bài học học viên được lưu ý và rèn luyện các kỹ năng sư phạm;

- Phần kiến tập và thực tập sư phạm được thực hiện độc lập vào cuối khóa học. Trong phần này, học viên được thực hành soạn giáo án, được kiến tập và thực tập sư phạm.

### 3. Tài liệu dạy học tiếng Jrai

a) Ngữ liệu được đưa vào dạy học là các tác phẩm, trích đoạn văn học truyền thống (truyện dân gian, thơ ca dân gian Jrai...); các tác phẩm, các trích đoạn văn học hiện đại; các văn bản phổ biến khoa học, pháp luật và văn bản thông thường (thông báo, mẫu tin...) được dịch từ tiếng Việt sang tiếng Jrai.

b) Chương trình này là căn cứ để các nhóm tác giả biên soạn giáo trình, tài liệu, thiết kế các thiết bị dạy tiếng Jrai cho việc đào tạo giáo viên dạy tiếng Jrai. Những giáo trình, tài liệu và thiết bị dạy học cần được biên soạn và thiết kế phù hợp với phương thức đào tạo, phù hợp với đặc điểm của học viên.

### 4. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Để việc dạy học tiếng Jrai theo Chương trình này có hiệu quả, cần vận dụng các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của học viên; chú ý vận dụng các phương pháp đặc trưng của môn học như thực hành giao tiếp, đóng vai, rèn luyện theo mẫu, phân tích ngôn ngữ. Cần phối hợp các phương pháp nói trên một cách linh hoạt trong một bài học để phát huy được hết khả năng lĩnh hội của học viên và tạo cho họ sự hứng thú cao trong học tập.

Để phát huy tính tích cực của học viên, cần thay đổi hình thức tổ chức dạy học trong một bài dạy. Cần phối hợp các hình thức tổ chức dạy học (học cá nhân, học

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684 \*  
LawSoft \*  
09038022



theo nhóm nhỏ, học theo lớp, tự học có hướng dẫn) trong một bài học, hay một tổ hợp bài học. Hình thức học cá nhân được áp dụng trong các trường hợp giáo viên giao nhiệm vụ phát hiện các đơn vị kiến thức nhỏ, rèn luyện các kỹ năng của từng cá thể mà không đòi hỏi một sự hợp tác nào (ví dụ: phát âm đúng các âm, các từ; trả lời các câu hỏi nhỏ trong bài đọc, trình bày hiểu biết và kinh nghiệm cá nhân về một vấn đề nêu trong bài học). Hình thức học nhóm được áp dụng trong các trường hợp đòi hỏi học viên phải hợp tác với học viên khác mới thực hiện được nhiệm vụ đề ra (ví dụ: học các bài hội thoại, học qua đóng vai, học qua thảo luận, trao đổi để soạn giáo án và dạy thử). Hình thức học theo lớp được áp dụng chủ yếu trong các trường hợp học viên nghe giáo viên giải thích, hướng dẫn, làm mẫu. Hình thức tự học có hướng dẫn được áp dụng trong trường hợp đòi hỏi học viên tự nghiên cứu, tự học qua tài liệu theo hướng dẫn của giáo viên.

## 5. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập là hoạt động xác nhận kết quả học tập của học viên nhằm làm cho học viên nhận biết được trình độ của chính mình. Việc đánh giá kết quả học tập cũng cho giảng viên những thông tin phản hồi về quá trình dạy học, giúp họ điều chỉnh nội dung dạy học ở từng bài nhằm khắc phục những điểm còn yếu và phát huy những điểm tốt.

### a) Phương thức đánh giá

Đánh giá kết quả học tập được thực hiện dưới ba hình thức: đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ, và đánh giá cuối khóa.

### b) Nguyên tắc đánh giá

- Toàn diện: các nội dung học tập nêu trong Chương trình đều được đánh giá. Nội dung nào được chú trọng và chiếm nhiều thời lượng trong Chương trình thì được đánh giá nhiều lần hơn các nội dung khác.

- Khách quan: sử dụng nhiều công cụ đánh giá (đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi và bài tập tự luận, đánh giá bằng quan sát của giảng viên) để việc đánh giá đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan.

- Phù hợp: các kiến thức và kỹ năng cần được đánh giá bằng các công cụ và cách thức phù hợp.

- Các kỹ năng phát âm, đọc thành tiếng, viết chữ và nói trong hội thoại có thể



được đánh giá bằng quan sát và nhận xét của học viên về sản phẩm của học viên.

- Các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, các kiến thức về tiếng Jrai được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

- Các kỹ năng viết đoạn, viết bài văn, các kiến thức về nghiệp vụ dạy học tiếng Jrai được đánh giá bằng câu hỏi và bằng bài tập tự luận (câu trả lời miệng hoặc câu trả lời viết, bài viết).

- Các kỹ năng sư phạm được đánh giá bằng quan sát của học viên về giáo viên và giờ thực hành dạy học của học viên.

c) Chứng chỉ:

Việc xét cấp chứng chỉ cho học viên căn cứ vào kết quả quá trình học tập và điểm thi cuối khóa.

## **6. Một số loại hình đào tạo**

a) Đào tạo tập trung liên tục từ đầu đến cuối khóa. Kết thúc khóa, học viên dự kiểm tra cuối khóa để lấy chứng chỉ.

b) Đào tạo theo nhiều đợt, mỗi đợt, học viên học một số phần và dự kiểm tra sau mỗi phần. Kết thúc khóa, học viên dự kiểm tra để lấy chứng chỉ.

## **7. Điều kiện thực hiện chương trình**

a) Có đủ giảng viên.

b) Có cơ sở vật chất tối thiểu cho việc đào tạo (phòng học, phương tiện, trang thiết bị).

c) Có đủ tài liệu học tập cho học viên, gồm Tài liệu học tiếng Jrai cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc Jrai, sách Hướng dẫn cho giáo viên.

d) Có các loại sách bổ trợ cho học viên như: Từ điển Jrai - Việt, Sổ tay phương ngữ Jrai, Ngữ pháp tiếng Jrai, các tác phẩm văn học, sách khảo cứu văn hóa Jrai.

Chương trình này chú ý khuyến khích học viên vận dụng hiểu biết của mình vào quá trình học tập. Nội dung luyện tập các kỹ năng nghe nói đọc viết tiếng Jrai chính là các vấn đề họ thường gặp trong công việc, vì thế học viên có thể nêu cách giải quyết các vấn đề đó bằng tiếng Jrai. Các kiến thức về tiếng Jrai cần được thực

hành vận dụng vào việc soạn bài, dạy thử, nhằm kết hợp chặt chẽ giữa học tập lý thuyết và thực hành sư phạm.

Những kiến thức và kỹ năng trong Chương trình đều hướng tới sự chuẩn bị tích cực cho học viên để họ có thể đảm nhận được công việc của một giáo viên dạy tiếng Jrai sau khi học xong Chương trình.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Vọng**